

Bài 95. Kinh Tăng Chi | Chương Bốn pháp | Phẩm Kesi (tt) | Sư Giác Nguyên giảng 24/07/2018

Hôm nay chúng ta sẽ học tiếp Kinh Không Phóng Dật.

Ở đây, không phóng dật có nghĩa là không dễ duôi. Có một từ mà tôi bắt buộc phải giải thích ở đây, đó là người Việt học A-tỳ-đàm thường hiểu phóng dật là trạng thái không định, tán loạn, thiếu tập trung. Nhưng trong Hán tạng, chữ pamāda được dịch là phóng dật, ở đây phải hiểu là dễ duôi.

Giống như chữ sắc trong kinh điển có ít nhất hai trường hợp phải được phân biệt:

1. Sắc là vật chất nói chung, đối lại với danh là những gì thuộc tinh thần, tâm linh, tư tưởng.
2. Sắc là đối tượng nhận biết của mắt, gồm tất cả hình dáng và màu sắc.

Chữ không dễ duôi ở đây có nghĩa là không dễ duôi trong tam nghiệp, tránh cái ác, làm cái thiện. Ở kinh này, Phật còn thêm điều thứ tư là lìa bỏ tà kiến, trau dồi chánh kiến.

Đặc biệt, Đức Phật Ngài dạy người tu tập tới nơi tới chốn bốn cái này thì sẽ không âu lo, sợ hãi về hai điều: cái chết và kiếp sau. Bởi vì tối thiểu người đó cũng là Sơ quả, ở đây trong kinh này ám chỉ là vị La-hán.

Một người mà tam nghiệp thanh tịnh và lìa hẳn tà kiến thì người đó không còn sợ chết và không còn âu lo gì về đời sau kiếp khác.

Vậy không dễ duôi trong tam nghiệp là gì?

1. Không làm thập ác và tu thiện bậc hạ thì sẽ sanh về cõi lành Dục giới.
2. Tu thập thiện bậc trung, ưu tiên cho điều thứ ba là tu tập samatha và vipassana, thì có thể sanh về các cõi Phạm thiên.

3. Tu thập thiện bậc cao nhất, chuyên tâm vipassana, thì quả vị cao nhất là La-hán.

Có nghĩa có ba bậc tất cả là:

Tu thập thiện bậc thấp nhất.

Bậc trung thì chú trọng điều thứ ba là bhāvanā.

Bậc thượng là tập trung điều thứ ba và điều thứ mười: điều chỉnh tri kiến.

Cả ba pháp trang nghiêm tam nghiệp cộng với điều thứ tư là lìa bỏ tà kiến.

Vì đâu mà tôi nói người tu ba bậc này, mà cái bậc thứ ba lại không sợ chết? Bởi vì điều thứ ba mà rốt ráo là đã Sơ quả Tu-đà-hoàn, rốt ráo hơn là A-la-hán. Hai vị này, Sơ quả hay Tứ quả, đều không âu lo về cái chết, không âu lo về đời sau kiếp khác.

Kinh này rất đáng để chúng ta tụng đọc trong hai buổi công phu sáng chiều, còn nếu mà rảnh thì tụng suốt 12/24, trừ lúc ngủ.

Tiếp theo là Kinh Hộ Trì.

Nếu bà con đọc một mình chắc không hiểu, nhưng đọc mà có giải thích thì có hy vọng.

Nội dung Kinh 117:

1. Trước ngoại trần luôn cẩn thận, không để tâm tham đắm.
2. Trước ngoại trần cẩn thận, không để tâm bất mãn, ghét, sợ.
3. Không để tâm si điều động tâm tham và tâm sân.
4. Trước ngoại trần không để ngã mạn có mặt.

Trong đây tiếng Việt Nam để là say đắm, nhưng trong tiếng Pali là “mát-chá”, chính là mada.

Tất cả phàm phu đều sanh tử trầm luân với bốn điều này: thích thú, bất mãn, u mê và kiêu mạn trước sáu ngoại trần.

Có nghĩa là, từ trong bụng mẹ tới lúc mình vào quan tài, nếu mình không phải là người hành đạo, thực hành Tứ niệm xứ, thì mình luôn luôn sống trong bốn cái này.

Một đứa bé đã biết khóc rồi, bởi ánh sáng trong bụng mẹ tối thui mà khi chui ra, ánh sáng làm nó chói nên nó khóc. Nhiệt độ bên ngoài làm cho nó bị khó chịu nên nó khóc. Va chạm tay chân, giường chiếu cũng làm nó khóc, vì trong bụng mẹ nó không bị những va chạm đó. Dường khí trong bụng mẹ không giống bên ngoài... Nói chung, do môi trường bên ngoài là điều bất toại cho đứa bé mới vừa sinh.

Hài nhi sơ sinh đã biết bất mãn với môi trường sống và biết thích thú trong sự dễ chịu, từ đó nó mới có thể yên giấc ngủ say. Lớn hơn một tí, biết cười và biểu lộ sự thích thú. Vì sao nó bất mãn? Vì vốn dĩ những cái bất mãn đi ngược lại thứ nó muốn.

Ta khổ vì ta bất mãn này nọ, mà sự bất mãn này đi ngược với điều ta muốn. Nên Phật dạy tham ái là nguồn khổ gián tiếp mà cũng là sâu xa, phải có trí mới xét tới chỗ này.

Như vậy, cái gốc là từ cái muốn. Từ cái muốn mới ra cái thích. Cái gì mà đi ngược lại với ý muốn và sở thích gọi là khổ.

Vì sao ta thích này nọ, ý thích của người này khác kẻ kia, lúc này khác lúc nọ? Bởi vì vô số điều kiện: nghiệp lý, tâm lý và vật lý.

Nghiệp lý: do ngày trước tôi tạo cái nghiệp gì đó nên tôi mới chun vô làm người Lào; còn quý vị do nghiệp gì đó nên sanh ra làm người Đan Mạch; kẻ kia do nghiệp gì đó sanh ra làm con chuột; ông kia thì làm con cào cào. Các vị thấy chưa, người Lào và Đan Mạch không giống nhau, con chuột và con cào cào không giống nhau là bởi vì cái tiền nghiệp đẩy nó vào trong đó.

Mà khi đẩy nó vào trong đó thì tự nhiên nó hình thành cái khuynh hướng tâm lý. Cái khuynh hướng tâm lý đi từ hai nguồn: thói quen tiền kiếp cộng với môi trường sống

hiện tại, nó hình thành nên cái gọi là đời sống tâm lý.

Chưa kể môi trường vật lý. Tôi là người Lào, nhưng do điều kiện sống nên sang Đức ở, nên trong sở thích của tôi nó có những cái không giống người Lào nguyên bản. Thí dụ, người Lào nguyên bản chỉ ăn cơm nếp với cá khô, thịt khô; nhưng vì tôi là người Lào ở Đức nên có thêm bia và xúc xích, vì hai cái đó là đặc sản của Đức. Như vậy, Lào này hơi đặc biệt, bên cạnh cơm nếp tôi lại uống bia và ăn xúc xích, thay vì ngày xưa là cơm nếp với cá khô, với thịt khô.

Nếu mà truy cái nguồn ra thì tàn khốc lắm. Vì đâu ta khổ? Vì ta đi ngược lại cái điều ta thích. Rồi vì đâu ta thích? Vì vô số các điều kiện gồm nghiệp lý, tâm lý, vật lý, thể lý... lung tung lý.

Như vậy, những gì mà mình thấy nó hay, nó dở, nó đều có một giá trị rất tương đối, và nó chỉ là trò hề trong mắt của thánh nhân. Vì các Ngài thấy rõ sở thích của con cào cào không giống sở thích của con chuột; mà sở thích của ông người Lào không giống của ông Đan Mạch là vì sao? Vì tiền nghiệp nó đẩy họ về những phương trời khác nhau biên biệt.

Trong suốt nhiều kiếp, vì không biết chuyện này nên sanh ra trong môi trường nào thì ta dễ dàng chết đi trong môi trường ấy và xem nó là toàn bộ vũ trụ của riêng mình.

Cho tôi xin nói đời một chút nha. Các vị có yêu ai chưa? Có thích món đồ nào mà miên man thiết tha chưa? Khi mà mình đã có được món đồ mình thích, cái người mình yêu, thì cả vũ trụ nó chỉ nằm trong đó thôi. Chẳng hạn như mối tình đầu.

Tôi là tu sĩ thì không có tình đầu tình cuối, nhưng mà tôi hiểu chứ. Tôi đâu phải thánh, nhưng mà tôi có thể nói về Tứ đế được. Nhiều người sẽ thắc mắc: Ủa, sao ông sư mà biết mấy cái đó? Thì tôi sẽ trả lời: Trời đất ơi, tôi có phải là thánh đâu, nhưng tôi vẫn giảng Tứ đế, Mười hai duyên khởi ào ào đó thì sao, đâu cần tôi phải Sơ quả, Nhị quả gì đâu.

Cho nên cái nguy ở chỗ: vì không hiểu những điều tôi nói nên nhiều đời nhiều kiếp.

Các vị lại hỏi tôi nhiều là bao nhiêu. Trong kinh Đức Phật dạy nhiều là như vậy nè: nước mà mình bú nhiều hơn nước trong bốn biển. Mồ hôi, máu và nước mắt của mỗi người đổ ra nhiều hơn nước trong bốn biển, quý vị tưởng tượng đi.

Sữa mẹ mà mình bú trong thời gian ấu thơ là bao nhiêu? Mình thử làm bài toán nhân đơn giản nhất coi: một ngày nó bú, tôi cho một ngày hai xị, và bú trong vòng hai năm, thì quý vị nhân thử hai xị nhân cho hai năm thì mình vẫn tính được mà. Trong khi đó mà nó nhiều đến mức hơn cả nước trong tất cả đại dương cộng lại, thì coi như mình luân hồi lâu lắm rồi, các vị biết không.

Là vì sao? Vì không biết những chuyện mà nãy giờ tôi nói đó. Mình không biết thích là gì và ghét là gì, không hề biết thích là gốc của ghét, và ghét là gốc của khổ. Ghét là cái gốc gần, mà cái thích là cái gốc xa. Một cái là nguyên nhân trực tiếp, một cái là nguyên nhân gián tiếp, chỉ vậy thôi.

Mà gián tiếp này là cái sâu xa, nó nằm đâu ở dưới đáy, nó có cái rễ, cái gốc nằm ở dưới là cái thích. Từ cái gốc đó nó mới ra cái... có cái thích nó mới ra cái ghét, và từ cái ghét nó mới ra cái khổ. Hễ gặp cái gì mà mình ghét thì là khổ, mà hễ gặp cái gì mình thích là hạnh phúc.

Cho nên ở đây Ngài mới dạy thế này: “Vị tỳ kheo không muốn phóng dật”, có nghĩa là không để mình đam mê trong ngoại trần, không để mình bất mãn trong ngoại trần. Là vì sao? Vì nãy giờ tôi đã giải thích khô môi rồi. Vì hai cái bất mãn và đam mê là một cặp.

Cái thứ ba là si. Chính si, từ vô minh trong bốn đế, khiến ta thích thú và bất mãn này nọ.

Si trong bốn đế là:

1. Không biết mọi thứ là khổ, tức là vô minh trong Khổ đế.

2. Vô minh trong Tập đế là không biết thích cái gì cũng là thích trong khổ, mà hễ thích khổ là đầu tư khổ.

3. Vô minh trong Diệt đế có nghĩa là muốn hết khổ thì đừng có thích trong khổ nữa. Ngày nào hết thích mới là hết khổ. Sự vắng mặt của Diệt đế chính là Đạo đế.

4. Sống bằng nhận thức tình tường về ba cái đế kia chính là Đạo đế, chính là con đường thoát khổ, chính là con đường chứng đắc Diệt đế.

Có nghĩa đường vào rừng là đường ra rừng, vấn đề là ta muốn đi đâu và xoay mặt, quay lưng về phía nào. Tức là trước giờ mình cứ chìm sâu trong thích ghét, ghét thích, khổ lạc, buồn vui. Hễ gặp cái buồn thì sân, mà gặp cái vui thì tham. Cho nên cứ tham sân, khổ lạc; khổ lạc, tham sân. Mà vì đâu có bốn cái này? Là bởi vì si, vì không hiểu được bốn đế nên mới ra như vậy.

Cho nên đường vào rừng cũng là đường ra rừng, vấn đề là ta muốn đi đâu và xoay lưng về phía nào. Ta vì thích và ghét trong sáu trần mới sanh tử; nay ta quan sát sáu trần để chán sợ và chứng thánh.

Trong room sẽ có người hỏi tôi: tham là nhân sanh tử dễ hiểu rồi, nhưng sân là nhân sanh tử là thế nào?

Xin thưa, vì để chạy trốn cái ta bất mãn, sân, nên ta tìm đến cái thích.

Ví dụ: vì đói quá, ta tìm cái để giải quyết cái đói đó. Xấu quá nên chuyện gì cũng làm để đi giải phẫu thẩm mỹ. Nghèo quá, muốn trốn cái nghèo. Suốt đời ta và đời của mấy con thú đều có một lý tưởng sống là trốn cái ghét, sân, tìm cái thích.

Mà vì đâu lại có lý tưởng sống quái gở đó? Vì vô minh nên mới có lý tưởng sống kiểu này. Thay vì làm theo lời Phật thì chỉ quan sát cái gì đang xảy ra, không thích cũng không ghét. Nhưng mà kẹt cái chỗ là mình không làm nổi. Một là mình không hiểu đạo, hai là mình hiểu ba mớ.

Tôi đã nói không biết bao nhiêu ngàn tỷ lần: “Thánh nhân thấy rõ điều mình tin nên tin chắc điều mình thấy, từ đó có thể sống chết với những gì mình thấy và tin. Phàm phu thì không tin lắm điều mình hiểu, mà không hiểu lắm điều mình tin, nên không sống đạo hết mình được”.

Cho nên đi Miến Điện, chủ lễ dâng y, ấn tống, đúc tượng... mà sống như con dòi là bởi vì giáo lý mình hiểu chập chờn thì làm sao tin sống tin chết cái điều mình hiểu được. Còn giáo lý mà tin thiết tha, diết da, tin bằng máu, bằng xương, bằng tủy thì khi đó anh sẽ hiểu rõ ráo cái điều anh tin và tin chết bỏ cái điều anh hiểu. Có như vậy thì anh có thể sống đạo một cách hết mình được.

Nó khác nhau ở chỗ đó. Nên nếu mà mình tán một bài kinh ra thì nó kinh khủng lắm, không phải thường chứ mà đọc liếc qua thì có gì đâu.

Như vậy mình đã nói có bốn trường hợp ở đây là: giữ tâm không để cho tham, sân, si, mạn.

Mạn có nhiều, kể có chín, có ba đều được. Có chín là: so sánh thiện ác, buồn vui, dở hay, tốt xấu của mình với người qua ba cấp độ hơn, bằng, thua.

Là sao ta? Tôi đẹp hơn, tôi trẻ hơn, tôi tiếng tăm hơn, tôi giỏi hơn, tôi bố thí nhiều hơn... Thiện, ác, buồn, vui, hay, dở, tốt, xấu; lấy tám cái này đi so với người khác là hơn, bằng, thua. Tôi biết mà tôi không bằng nó, đó là mình so thua, mặc cảm.

Còn ngã mạn thì ta còn sống trong mặc cảm và tự kiêu. Khi mình thấy mình bằng hay mình hơn người ta gọi là tự kiêu, mặc cảm, ganh tỵ. Ngã mạn là do mình đam mê. Ví dụ trong kinh Phúng Tụng, Trường Bộ, có kể ba trường hợp kiêu mạn; từ đó ta có thể hiểu rằng bất cứ cái gì trong tám điều trên đều là cái cớ để ta kiêu mạn và mặc cảm.

Như vậy, kẻ phàm phu ngày nào còn vô minh trong bốn đế thì còn thích và ghét; còn thích ghét thì còn kiêu mạn.

Hiếu được mọi thứ ở đời là khổ thì coi như quý vị đã đi được một nửa đường giải thoát rồi.

Hiếu ở đây có ba cấp độ: văn, tư, tu.

Văn: nhờ nghe hay đọc mà biết.

Tư: là do suy tư, nghĩ ngợi, lý luận, suy diễn, tưởng tượng.

Tu: là do tu tập samatha và vipassana mà thấy được.

Hiếu được ở mức nào thì giải thoát đau khổ ở mức đó. Hiếu được ở mức tương đối thì giải thoát kiểu tương đối; hiểu cách tuyệt đối, rốt ráo thì giải thoát đau khổ rốt ráo.

Nhớ điều này: hễ còn vô minh trong bốn đế thì còn có thích và ghét; mà hễ còn có thích và ghét thì còn kiêu mạn; mà còn kiêu mạn thì còn mặc cảm.

Lời cuối của đoạn hai là: khi làm được vậy thì không có sợ hãi, không dao động, không hoảng sợ, không đi do nhân các sa môn. Có nghĩa là đến mức này thì đương sự vượt thoát được tà kiến bản thân, không còn bị tác động bởi quan điểm, tri kiến của bất cứ ai trên đời này nữa.

Trong bản Pali này dịch là: các vị sa môn, bà-la-môn, các tôn giáo; tôi đọc trong bản chú giải ghi như vậy đó. Sau khi tự mình lìa bỏ tà kiến thì họ cũng không bị ảnh hưởng tri kiến bởi những người đó nữa. Ở đây ám chỉ cho vị thánh A-la-hán. Nghĩa là nếu làm đến nơi đến chốn, đương sự vượt thoát.

Tà kiến, bỏ được tà kiến của mình thì tìm đến với ai cũng không còn bị ai tác động về quan điểm, tri kiến đó nữa. Tự mình thấy rồi.

Còn bây giờ, trong room này, nói thiệt, bà con thích thì bà con nghe, nhưng nay mai người khác nói bà con thấy hay hơn thì bà con buông. Bởi vì sao? Vì cái thấy của bà con là cái thấy của phàm phu. Còn ngày nào mà mình thấy rốt ráo rồi, mình tin chắc đó là mẹ của mình, cha của mình, cả thế giới bu lại phủ nhận thì trong lòng mình đó

vẫn là cha, là mẹ của mình thôi. Mình thấy rõ mình có 10 ngón tay, 10 ngón chân, biết rõ một mực; dù ai có nói gì đi nữa thì mình vẫn khẳng quyết, tự mình xác tín: đây là 10 ngón tay, đây là 10 ngón chân của mình.

Còn nó xui một chỗ là vì ta thấy không rõ ràng điều ta tin, nên ta cũng không tin lắm điều ta thấy; từ đó nên ta mới dao động, còn hoảng sợ. Bây giờ còn trẻ, còn khỏe thì ok. Sau này, một ngày nào đó đối diện với cái nguy hiểm, với cái chết, với cái bệnh, với cái già, thì lúc đó mới thấy dao động và hoảng sợ. Lúc đó mới thấy: thôi chết cha rồi, mấy chục năm qua sao ta, lúc này mình theo ai đây? Lúc đó mình còn theo thầy, theo bà, theo tình cảm. Lúc này, ở cái tuổi này, ở phút giây cuối đời này thì coi như mình phải có một con đường hành trì để mình cầm đó, mình bỏ túi mình đi chứ quý vị.

Hễ mình còn phàm thì mình mới có những lúc dao động và hoảng sợ. Chứ những vị làm được bốn cái điều mà này mình nói đó thì không còn tình trạng dao động, chấp chờn, sợ hãi, theo người này người kia; không còn bị giới tôn giáo họ tác động nữa. Dầu thầy bà, sư phụ cao siêu đến mấy, nhưng cuối cùng rồi các vị kiểm dùm tôi cái kinh này: Kinh Kaccāna Sutta trong Kinh Trung Bộ, học thuộc lòng hoặc đem đốt, tán thành bột, uống mỗi ngày 10 viên.

Kinh này nó hay không bền bờ ngôn ngữ nào mà mình có thể diễn tả được. Kinh đó là tuyệt hảo công phu. Nếu bây giờ mà các vị hỏi tôi: nếu bây giờ quý vị không có thời giờ để nghiên cứu kinh điển thì bây giờ cho xin 10 bài kinh đại diện, tiêu biểu, điển hình cho tất cả kinh Phật, thì tôi sẽ lục, nhưng mà trong 10 bài đó phải có 2 bài sau đây: Bāhiya Sutta và Kaccāna Sutta. Hai cái bài này nó ghê ở một chỗ, đó là rất ngắn. Ghê là ghê ở chỗ rất ngắn, chứ mà dài sọc thì không có ghê. Dài thì nội dung bao la mênh mông mình không có lạ. Nhưng 2 cái bài này ngắn vô cùng, có nghĩa là mình chỉ đảo mắt chút thôi. Mía rim đó quý vị, mình nhai chưa hết là đã hết bài kinh rồi. Còn cóc ngậm, ổi dầm là ăn chưa hết trái nó đã hết bài kinh rồi. Nó hay kinh khủng lắm.

Vậy là giờ mình đã học xong bài kinh 117. Bây giờ mình qua bài kinh cuối cùng của Phẩm Cây Si, đó là Kinh Động Tâm.

Kinh Động Tâm

Kinh Động Tâm này trong bản tiếng Việt đề là Kinh Xúc Động. Thì ở đây Đức Phật dạy rằng có bốn nơi mà những người có niềm tin nơi Đức Phật phải tìm tới chiêm bái với cái niềm hoan hỷ, với cái sự xúc động, đó cũng đủ cho mình sinh thiên. Xem thêm đoạn cuối kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ, về bài kinh này.

Trong đó Ngài có nói rõ: mai này khi Ngài đã đi rồi, không còn ai thấy được Ngài nữa, thì người đời sau cứ tìm tới bốn nơi này và chỉ cần suy nghĩ một điều thôi: chính tại nơi đây Đức Như Lai đã ra đời; chính tại nơi đây Ngài đã thành đạo; chính tại nơi đây Ngài đã vận chuyển bánh xe Pháp Luân, thuyết cái pháp thoại đầu tiên; và cũng chính tại nơi này Đức Thế Tôn viên tịch, từ đó trở đi không còn quay về nữa.

Thì bốn cái nơi này, đến hôm nay tôi xa xứ 20 năm, tôi đi tùm lum mà chớ hề có cơ hội đặt chân đến chỗ này. Cái phước phận của ông sư Thiện Minh là ông đã tới lui đây rất nhiều lần rồi ông mới đi. Tôi bây giờ mà tắt thở là tôi tiếc dữ lắm. Mà dĩ nhiên, học Phật, hiểu Phật thì quý hơn là đi tới chỗ đất Phật. Nhưng mà thêm cái đó nữa thì tuyệt vời.

Và tôi có niềm tin sắc son đó là tôi mà đến được bốn chỗ đó thì cái phước của tôi nó sẽ nhiều hơn rất nhiều người. Là vì sao? Cứ mỗi một chỗ đó mà tôi liên tưởng tới bao nhiêu cái bài kinh, bao nhiêu cái câu chuyện đã xảy ra với Thế Tôn, đã xảy ra với thánh chúng, thì coi như là công đức vô lượng các vị biết không, phước báu cực kỳ. Tới bây giờ còn chưa đi. Không phải nói như vậy là không có điều kiện, mà là nó cứ trực trặc, trực trặc, trực trặc, cuối cùng tới bây giờ chưa đi.

Ở đây, tại sao nói bốn chỗ này là nơi đáng để mình xúc động? Các vị còn nhớ không, một vị vua có những nơi chốn phải nhớ suốt đời. Một tỳ kheo La Hán cũng vậy, và một người tin Phật cũng thế. Có nghĩa là đọc tới cái này mình mới thấy, có lúc Đức

Thế Tôn Ngài chỉ nói tập trung trong Bốn Đế, 12 duyên khởi, danh sắc, 5 uẩn, 12 xứ. Đúng, đó là nói về trí tuệ. Nhưng những lúc nói về niềm tin thì Ngài cũng phải quay lại với đời thường.

Ngài dạy rằng vị vua suốt đời không thể nào quên được cái chỗ mình sinh ra, cái sinh quán của mình; không thể nào quên cái chỗ mà mình được phong vương, chỗ làm lễ quán đảnh, có nghĩa là bôi dầu lên tóc, chế nước lên tay. Cuối cùng là chỗ đánh thắng kẻ thù, vị vua tới chết không quên.

Và một vị La Hán cũng nhớ hoài suốt đời, đó là: chỗ mình đi xuất gia, chỗ mình hiểu được Bốn Đế, chỗ mình chứng được La Hán, quá quan trọng. Ở đây cũng vậy, đối với Thế Tôn thì Ngài không cần nhớ những chỗ đó trong đời Ngài, nhưng mà người khác mà nhớ được những chỗ này thì coi như công đức không thể nghĩ bàn.

Mình chỉ cần nghĩ rằng trên đời này có một kẻ mà thương được người dưng đã là hiếm rồi, mà thương được kẻ thù lại càng hiếm hơn. Vì kẻ thù, vì người thương, vì muôn loài chúng sanh mà dẫn thân vào lửa đạn suốt hằng hà sa số đại kiếp để mà trau dồi các hạnh lành, cuối cùng trở thành một vị Chánh Đẳng Chánh Giác mà hàng triệu tỷ tỷ tỷ tỷ... kiếp trái đất mới có một con người như vậy ra đời. Khó quá mà, làm sao có nhiều được. Mà cái con người đó khi mà ra đời rồi thì cái gì cũng biết, ai Ngài cũng thương và hạnh lành nào Ngài cũng có, mà có ở cái hàng top.

Đây, Lumbini, đây chính là cái chỗ con người ấy đã chào đời.

Đây, Bodh Gaya, đây chính là chỗ con người ấy từ phàm sang thánh, trở thành một bậc Tứ Sanh Từ Phụ, Thiên Nhân Chi Đạo Sư, Vô Thượng Điều Ngự, Phật Thế Tôn.

Và đây chính là Sarnath, chỗ mà Đức Thế Tôn đã thuyết cái pháp thoại đầu tiên, đóng lên tiếng trống bát tử để tế độ những người đang mê ngủ.

Và đây là Kushinagar, đây là chỗ mà cái nhân cách vĩ đại ấy, vào một buổi sớm tinh sương, đã phúi tay giũ áo lên đường và không bao giờ quay lui nữa. Đây là chỗ mà

Vị ấy có mặt lần cuối cùng. Một nhân cách vĩ đại như vậy, một con người đi qua cái hành trình thiêng liêng, thần thánh như vậy, và cuối cùng mọi thứ kết thúc ở đây. Hai mươi a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp cũng kết thúc ở đây. Ba mươi hảo tướng, tám mươi tướng phụ, sáu màu hào quang, nhất thiết chủng trí cũng kết thúc ngay cái chỗ góc Sala này, trong khu vườn này, bên cái gò đất này. Nhìn cái đó sao không ứa lệ được.

Nếu mà đứng trước bốn chỗ Động Tâm mà nghĩ tưởng về Thế Tôn như vậy mới là công đức. Có đâu mà vô duyên như nhiều phái đoàn Việt Nam, cứ tới đất Phật mà làm cái chuyện mà tôi không thể tưởng tượng, bất khả tư nghì, tức là không có nghĩ bàn. Đó là hề nhau, ông đi trước bà đi sau, đứng trên đất Phật Thích Ca Mâu Ni mà hề nhau: “Nam Mô A Di Đà Phật”.

Tôi không có phủ nhận Phật nào hết, nhưng mà tôi thấy nó hơi lạ là cứ tới đất Phật Thích Ca Mâu Ni mà niệm A Di Đà Phật là sao? Và khổ thay, tinh thần tu tập theo pháp môn Tịnh Độ là làm gì có trong lời dạy của Đức Phật Thế Tôn. Có nghĩa là tu mà thò tay nhờ người khác kéo về để tiếp dẫn cho vãng sanh, thì kiểu đó chưa hề có trong kinh điển.

Nói chung là mình đứng trước tiệm thuốc bắc mà mình cứ niệm “Nam Mô Bidisamin” thì nó kỳ quá. Trong tiệm thuốc bắc thì phải là đồ trọng, xuyên khung, táo tàu, hoài sơn, câu kỷ chú. Có đâu mà đứng trước tiệm thuốc bắc mà cứ “Nam Mô Bidisamin” thì kệt quá, nó lộn hàng.

Tôi không hề có ý phân biệt, kỳ thị, làm chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, tín hữu, tôn giáo. Điều đó là không có nha. Nhưng mà tôi chỉ trách một chỗ: bà con làm ơn đi đâu cho ra đó.

Tôi nhớ có một giai thoại tôi được nghe từ những nhân chứng sống. Năm 1978, bà Thanh Nga bị bắn chết. Có một số fan hâm mộ kéo nhau tới bệnh viện, nhào tới ôm cái xác Thanh Nga khóc như cha chết. Họ cúng bái, nhang đèn, trái cây dặt dãi, mà cái

xác Thanh Nga được phủ một miếng vải thuyên trắng. Khóc cho đã, sụt sùi, có người xiu lên xiu xuống. Cuối cùng rồi nhân viên bảo vệ cho biết cái xác bà Thanh Nga nằm bên trong, cái xác này là xác của bà kia bị xe đụng mới vừa đem vô. Thì coi như nãy giờ họ khóc lộn, quý vị biết không? Khóc một bữa vật vã, coi như lệ ướt sân bệnh viện, mà cuối cùng khóc nhầm xác của bà cố nào bị xe cán ngoài đường. Còn bà Thanh Nga nằm ở trong điều hui, nhang khói không ai dòm ngó gì hết.

Thì thảm cảnh đó được lặp lại đa phần khi bà con Phật tử Việt Nam sang Ấn Độ. Tức là xác Thanh Nga thì bỏ mặc đó, mà cứ đi ôm cái bà bị xe tông mà khóc. Đây, quý vị nghĩ đó có phải tang thương ngũ lục không?

Cho nên bài kinh này muốn tán thì tán tới Tết cũng chưa có hết. Là vì sao? Vì không có đơn giản đâu quý vị. Không đơn giản là Ngài bảo mình đi hành hương bái lạy Ngài, mà cái nội dung còn là lời cảnh tỉnh sâu thẳm, vĩ đại như Thế Tôn cũng phải trong cái vòng sanh, trụ, diệt. Có đản sanh, có thành đạo, rồi cũng phải có viên tịch Niết-bàn.

Động trời ở đó. Đau chỗ này nè. Thí dụ khi mình lật ngược tình hình lại đi. Giờ mình đừng có nói Phật, mình nói bà nội mình đi. Là ba có nói thế này:

“Tụi con có rảnh về thăm quê nội nha. Chỗ hồi đó là chôn nhau cắt rốn của nội ngay chỗ này. Rồi cái chỗ nội đi lấy chồng, chỗ này là chỗ tiền nội cuối cùng nội đi lấy chồng, rồi nội rời bến, nội khóc cả một dòng sông ngay chỗ này nè. Rồi khi nội về già, nội trở về đây nội dưỡng già. Rồi nội bỏ tiền cất cái nhà đây, nhà thờ tộc ngay chỗ này. Rồi nội chết, đây là mồ của nội.”

Đó là mình nghe trên mặt nổi. Còn mặt chìm là sao? Mặt chìm là có sanh ra và cuối cùng nội đã ra đi. Nếu mà mình thương nội thiệt là nghe đoạn cuối mình khóc coi như cả một dòng sông luôn. Bởi vì có thấy nội sanh ra, đúng; có thấy nội có sự nghiệp, có gia đình, nhưng cuối cùng đây là nấm mồ của nội.

Ở đây Ngài cũng vậy. Ngài nói bốn chỗ này mà cái chiều sâu ở đây là gì? Là cho mình thấy rằng: “Con thấy chưa, một nhân cách vĩ đại, thiêng liêng, hoành tráng, khí thế như là Phật Đà, Vô Thượng Thiên Nhân Sư vậy mà hễ có sanh rồi có trụ thì dĩ nhiên phải có diệt.”

Nhớ nha, cái sanh, trụ, diệt là nguyên tắc gọi là đương nhiên và dĩ nhiên của vạn hữu. Đọc cái này mới shock. Tùy người, đức tin nhiều thì cứ nhào vào khóc rồi bỏ tiền đi Ấn Độ; nhưng nếu mình thêm cái trí nữa thì cái nội dung thứ hai nằm giữa hai hàng chữ đó, thì ra Ngài nhắc khẽ cho mình: “Con thấy chưa, ta có ra đời, ta có thành đạo, ta có chuyển pháp luân, nhưng mà cuối cùng thì sao con? Ta đi mất, ta không về nữa.”

Trước khi Niết-bàn, Ngài hỏi chư Tăng:

“Ở đây có ai thắc mắc gì hỏi ta. Nếu vị nào vì lòng kính sợ Đạo Sư thì hãy nhờ bạn bè hỏi dùm.”

Thế Tôn hỏi ba lần, chúng Tăng im lặng. Thì Ngài Anan mới tán thán rằng chúng Tăng hoàn hảo. Phật nói ở đây vị thấp nhất cũng là Tu-đà-hoàn nên cũng không còn thắc mắc gì về Phật pháp. Nói rồi Phật im lặng, rồi Phật nói một câu cuối cùng:

“Này các Tỳ-kheo, mọi thứ ở đời đều là vô thường, hãy tinh tấn, chớ có dễ dãi.”

Cái chữ “mọi thứ đều là vô thường”, mọi thứ ở đây là thiện, ác, buồn, vui, siêu, đọa, phàm, thánh cỡ nào cũng đều nằm trong hai chữ mọi thứ ấy. Bởi vì bằng chứng Ngài kia, Ngài là bậc Thánh trong các bậc Thánh.

Ngay chỗ này, sau khi nói xong Thế Tôn im lặng, và đây chính là lời nói sau cùng của Thế Tôn. Ngài nhập sơ thiền xuất sơ, nhập nhị xuất nhị, nhập tam xuất tam, nhập tứ xuất tứ, nhập hư không vô biên, thức vô biên, vô sở hữu xứ, ra khỏi phi tưởng phi phi tưởng, trở lại sơ thiền, cứ như vậy mà hai triệu bốn trăm ngàn lần. Đến lần tứ thiền

cuối cùng thì Thế Tôn vừa ra khỏi tứ thiên, lập tức Diệt Độ. Mười ngàn thế giới rung động.

Giống như con voi nó vừa bước lên khỏi chiếc xuồng nhỏ vậy đó. Chịu không nổi, lắc. Khi Ngài giáng sanh thì mười ngàn vũ trụ lắc; thành đạo lắc; xuất gia lắc; chuyển pháp luân lắc; lâu lâu Ngài thuyết những bài kinh đặc biệt, lắc; và cuối cùng Niết-bàn, nó lắc luôn vì chịu không nổi. Một con voi mà bước lên chiếc thuyền nhỏ mà quý vị.

Đặc biệt, kinh này mà hiểu sâu thì thương lắm. Có nghĩa là cả đời Ngài vì người ta, mà thương cái chỗ này nè. Các vị biết đó, đương nhiên Ngài một ngày chỉ ăn có một buổi. Nhưng Ngài khác mình ở chỗ này. Thí dụ như mình vì công việc, mình biết trưa nay bình thường mình ăn 11 giờ rưỡi, mà mình biết 11 giờ rưỡi mình có việc nên không ăn được, nên hồi 8 giờ, 9 giờ, 10 giờ mình đã ăn trước rồi. Còn Thế Tôn thì không. Ngài chỉ đi bát có một lần thôi. Và rất nhiều lần trong cuộc đời của Ngài, Ngài biết ngay

Giờ cơm bữa nay là có người cần phải độ, mà Ngài biết luôn ngay cái buổi tế độ này đòi hỏi Ngài phải nhịn đói, chứ bữa đó Ngài không thể ăn được.

Thí dụ như thế này: một hôm Ngài đi trên bờ ruộng, gặp một người. Họ nói với Ngài thế này:

“Thanh niên sức vóc ngon lành, ngày nào cũng đi hành khất như vậy, sao không đi cày ruộng mà sống?”

Thì Ngài nói:

“Ta không phải lúc nào cũng đi. Ta đi kiếp này là kiếp chót, ta sẽ không đi bát nữa đâu. Còn người, nếu mà không khéo tu hành thì đời đời còn cày ruộng dài dài.”

Rồi Ngài mới đọc thế này: “Đời này rồi đời khác, phạm phu phải sanh tử. Đời này rồi đời khác, kẻ ác phải sa đọa. Đời này và đời khác, người lành được sanh thiên. Đời

này và đời khác, hiền thánh nhập Niết-bàn. Đời này và đời khác, kẻ ngu bị sanh tử.”
Ngài cứ đọc “bú-na bú-năng”, có nghĩa là đời này và đời khác.

Khi ông nghe như vậy thì ông liệng chày, leo lên bờ, ông nói:

“Quá đủ rồi, con không thể con cày đời này qua đời khác nữa. Con lạy Ngài, con giờ chỉ có một cách là theo Ngài thôi. Bây giờ con thương Ngài quá mà con chỉ là nông dân. Đây là giò cơm mà bà xã đem lên cho con ăn trưa, Ngài nhận cái này cho con.”

Thì lúc đó Ngài nói thế này:

“Phật không bao giờ nhận cái gì do người ta nghe mình nói rồi cúng dường, giống như bán nước bọt mà sống. Như Lai không có làm chuyện đó. Người hãy đem đến chỗ nào khô ráo, không có côn trùng, đem đồ thức ăn này đi.”

Thế là Thế Tôn sau khi độ ông này xong, cho ông ấy làm Phật tử, thì Ngài ôm cái bình bát không mà trở về.

Tôi xin nói cho bà con, cái kiểu này trong suốt cuộc đời của Ngài, đếm mà coi như chắc cả ngàn lần, chứ mà trăm là không xuể đâu. Bởi vì Ngài trụ thế 45 năm mà. Thí dụ như tính đi, một năm có 365 ngày, mà một năm chắc có vài chục vụ như vậy đó, mà lấy vài chục nhân cho 45 năm thì quý vị tưởng tượng coi nó nhiều biết là cỡ nào.

Cứ lai rai như vậy, mà nhiều khi họ chửi Ngài không còn cái nước non nào hết. Ngài vẫn đứng yên cho chúng nó chửi. Nó chửi coi như cái gì mà dơ nhất, xấu nhất, bầy hầy, bê bối, bậy bạ nhất là nó trút lên nó chửi. Mà Ngài vẫn đứng với cặp mắt như vậy, giọng nói như vậy, mà chớ hề làm cho nó rung động. Nó chửi cho đã rồi Ngài nói một hai câu, nó hiểu, nó quỳ, nó lạy Ngài, đi tu. Cứ như vậy không biết bao nhiêu lần trong đời.

Bây giờ đứng trước đấng Động Tâm mà nhớ tới mấy cái đó mới là đau thấu tim.

Khi biết Ngài Niết-bàn, có hàng tỷ vị thiên nhân đã khóc. Khóc là vì biết rằng từ nay về sau, cái người mà thương mình hơn cha mẹ mình không còn nữa. Cái người mà tất cả vấn đề khó khăn nan giải nhất của mình đều có thể giải quyết, con người ấy giờ đây không còn nữa. Cái con người mà hiểu thấu đáo căn cơ của mình, biết cái gì mình hợp, biết cái gì mình kỵ, giờ đây không còn nữa.

Các vị tưởng tượng đi, cha mẹ mình thương thiết, nhưng về cái mặt này thì Thế Tôn, một con người mà cỡ nào cũng thương được mình, dù mình có ra làm sao cũng có thể tìm được cách giải quyết cho mình, mà bây giờ con người ấy sắp sửa ra đi.

Trong Kinh nói, Ngài nói với Ngài Anan:

“Anan, biết không, 12 do tuần vương bao quanh Như Lai bây giờ, thiên chúng từ 10 phương vũ trụ kéo về dày đặc giống như bột bị nén trong ống sậy. Nay Anan, tìm được cái chỗ nhỏ nhỏ mà thọc lỗ kim không có chư thiên trong cái khu vực Kushinagar này không phải là chuyện dễ; một chỗ trống mà thọc cây kim không có.”

Đổ về trong đó có rất nhiều chư thiên người Việt Nam đông vô cùng. Vì trong Kinh nói có nhiều người khi nghe địa cầu rung động thì họ hỏi nhau:

“VẬY CHỨ CÓ CHUYỆN GÌ VẬY?”

Nhiều vị biết chuyện thì nói:

“Bồ-tát giáng sanh rồi.”

Họ nói:

“Rồi thì giáng sanh sẽ thành đạo, mà thành đạo sẽ có thuyết pháp. Dứt khoát tôi sẽ đi tới nghe pháp.”

Mà tại vì toàn dân Việt Nam không. Cho nên cứ lò mò, lò mò. Không ăn đậu không phải là Mễ, mà không đi trễ thì không phải Việt Nam.

Coi như nghe địa cầu rung động mà cứ nói nhau: “Hễ đản sanh sẽ thành đạo, mà thành đạo là sẽ có thuyết pháp.” Mà trên đời này không có ai thuyết pháp qua Ngài, vì Ngài biết rõ mình từng tơ tóc căn duyên tiền kiếp, nói một phát là dính liền. Biết tới mức đó luôn.

Nhưng khi họ nghe địa cầu nó rung nhiều lần lắm. Khi lần cuối cùng nó rung thì thiên hạ họ lại hỏi nhau:

“Chuyện gì thế?”

Thì họ được biết rằng đêm nay Thế Tôn viên tịch, thì nó nhào ra nó khóc. Mà nó nhào ra nó khóc rồi nó xuống, thì ôi thôi rồi, làm sao mà kịp nữa. Lúc đó Ngài đã khép mắt rồi, Ngài không nói nữa.

Bởi vì lần cuối Ngài hỏi chúng Tăng:

“Còn gì thắc mắc nữa không? Đừng để mai này phải hối hận.”

Khi mà chúng Tăng ba lần im lặng, Phật nói câu cuối cùng:

“Vạn hữu vô thường, chớ có dễ duôi.”

Rồi từ ấy Thế Tôn nhập thiền và không còn nói nữa.

Thiên chúng đổ về chỉ nhìn thấy Ngài nằm đó thôi, mắt Ngài khép lại rồi, môi không còn mở ra để nói nữa. Đa phần là Việt Nam, thành phần tới trẻ. Đau lắm quý vị, vì cái tật cà mò cà rờ, cà rờ đó.

Chứ còn mấy chư thiên bên Nhật, Mỹ, Đức, Thụy Sĩ là đản sanh người ta đã tới châu chực ở cây Bồ-đề rồi. Ngài đản sanh ở Kapilavatthu là họ đã qua đến Bodh Gaya, họ giảng mừng họ chờ ở đó. Còn mình tới lúc mà Kushinagar bắt đầu giờ đó mới bắt đầu check mail đi.

Mình vừa học xong bài kinh xúc động. Tôi giảng cho bà con tôi giỡn giỡn chứ mà tôi xúc động kinh dị lắm.

Tiếp theo mình học thêm hai bài Kinh Sợ Hãi.

Bốn sợ hãi phổ quát ba cõi: đã sanh ra là phải già, bệnh, chết, đâu muốn đâu không.

Tôi nói rất là nhiều: mình dễ duôi thì thôi, chứ nếu mình có lòng tin Phật, lúc đi, lúc ngồi, lúc nằm, nhìn mình từ ở trên xuống dưới chân, biết đây là một cái xác chưa có chôn. Chỉ nhớ bao nhiêu đó thôi. Và chắc chắn sẽ có một ngày cục thịt này nó phải ở vào một trong hai tình huống sau đây:

Thứ nhất là tai nạn mà nó nát bét, người ta lấy cái rổ hốt được nhiều thì hốt cho vào hũ đem chôn.

Thứ hai là còn nguyên con thì đem thiêu hoặc đem chôn.

Tại sao tôi nói về cái chết trước? Bởi vì cái chết chính là thầy của hai cái già và cái bệnh. Tuổi già và bệnh, ngoài sự đau đớn khó chịu, còn là lối về cõi chết nên ai cũng e ngại.

Còn người mà hữu trí, thấy một em bé chào đời, hiểu ngay rằng sẽ có thêm một đám tang trong một ngày nào đó, chỉ vậy thôi quý vị, rất là đơn giản.

Ông Voltaire của Pháp có một câu nói thế này:

“Tại sao ta phải khóc khi một ông già chết? Lẽ ra ta phải khóc khi một đứa bé chào đời, chứ không phải là khi một ông già nằm xuống.”

Đứa bé chào đời là chuyện...

khiến người ta đáng khóc là vì cuộc đời nó buồn như vậy mà con tới làm cái gì. Còn cái chuyện mà nó đã ra đời rồi, nó lớn rồi, nó già, nó chết thì đó là chuyện đương nhiên. Vấn đề ở đây ổng là một người Cơ Đốc, mặc dù là người bội giáo, ổng không

tin Chúa, nhưng trên giấy tờ ông vẫn là người đạo Chúa, mà ông đã ngộ ra một điều rất là Phật giáo đó là: chúng ta phải buồn khi một đứa bé chào đời hơn là một ông già nằm xuống, là như vậy đó.

Đây là bốn nỗi sợ phổ quát, là ba cõi đều phải dính hết. Có những cõi không có bệnh, không có già, nhưng mà chắc chắn là phải chết.

Hôm trước chúng ta học bài kinh sư tử, Thế Tôn có dạy rằng mỗi lần thú rừng nó nghe thấy tiếng rầm của sư tử thì con nào con nấy rung bắn lên. Trốn được thì trốn, chun được thì chun, lặn được thì lặn, mà bay được thì bay.

Cũng như vậy, Thế Tôn, vị A-la-hán Chánh Đăng Chánh Giác, Ngài vạch ra cho mọi người thấy một sự thật, đó là bây giờ đẹp mấy, sướng mấy, giàu mấy, tất thấy đều phải có một lúc bỏ lại hết mà ra đi. Tôi nhắc lại một lần nữa, ba-la-mật còn non yếu thì không có nghe nổi mấy điều này. Thấy sợ thì bịt, hoặc nghe sợ rồi sau đó chỉ là viên sỏi liệng ao bèo, dẫu lại vào đấy.

Bởi vì sao? Vì ba-la-mật yếu quá đi. Chứ người mà có nhân duyên tu hành giải thoát, hạt giống bồ-đề loại ngon, loại xịn, thì bây giờ 20 tuổi, 30 tuổi, 60 tuổi, đều nghe xong chỗ này là đều phải thu xếp.

Tôi có nhiều vị sư bạn thân, để đáng được gom gọi là bạn, nếu gom lại chắc cả trăm, trong nước và ngoài nước. Mà trong đó có ba vị mà tiền kiếp sao đó, có một vị đang học lớp 10, tự nhiên buổi trưa hôm đó đang trong lớp, bỗng dưng nhìn lên bảng, thấy cô giáo và mấy đứa bạn, ông mới nghĩ: “Trời đất ơi, bây giờ làm thầy làm trò cho đã rồi mai một chết sạch hả trời?” Ông nghĩ như vậy xong là ông không còn tâm trạng nào để học nữa.

Còn một vị nữa, tự nhiên thấy cái nhà này, xóm làng này, con đường này hình như nó không thuộc về mình, mình không thể nào cả đời sống ở đây được. Tự nhiên như bà nhập vậy đó. Tự lấy kéo cắt nhấp nhấp, đầu trọc lóc như xà mâu vậy đó, góm lăm, đi vào chùa xin đi tu. Vị trụ trì địa phương không nhận, mà hên là bữa đó có vị khách

tăng tới, nhìn mặt chú này thấy thương quá, bèn nhận rồi đem về xứ của vị đó. Bây giờ vị đó cũng là vị thượng tọa có tiếng tăm.

Tôi chỉ kể chuyện mấy vị đó coi như đó là chất xúc tác để tôi củng cố đạo tâm rất nhiều. Có nghĩa một người có ba-la-mật là như vậy đó, là người phải biết shock.

Hôm qua, hôm kia mình có học, có những con ngựa mà nó thấy cái dáng roi là nó đã dọt rồi. Có những con ngựa quất nó một cây nó mới dọt. Còn có những con mà đập chết nó cũng không dọt, chỉ có nước đem đi xẻ thịt thôi. Ngược lại, Ngài nói bên cạnh những chúng sanh chỉ mới nghe sanh, lão, tử của người ta là nó đã rung bắn lên rồi. Còn có những kẻ chuyện xảy ra ngay trên đầu của nó, cho má, cho ba của mình, nhưng vẫn lì như con trâu vậy đó. Tức là cũng vô chùa, cũng khóc lóc, cũng cúng thất, một thất, hai thất, bảy cúng xong cũng trở về lối cũ đường xưa, vẫn tào lao như cũ.

Trong khi đó phải nghĩ rằng một ngày nào đó, tất thấy những người quen của ta... Năm nay ta 50 tuổi, ta 60 tuổi, ta thử nhớ lại những người quen của ta, kẻ nào bây giờ còn không, hay nó đi gần sạch.

Nhất là tuổi của tui. Năm nay tui 50, bằng tuổi thầy Thiện Minh mới mất đó. Thầy Thiện Minh, thầy Nhật Từ và tôi bằng tuổi nhau, ba con gà, và mỗi vị một kiểu đời nha.

Những người mà ngày xưa, ngày xưa, thời tui còn mười lăm, hai mươi, mà tôi gọi là người lớn đó, trong lòng tui lúc đó, chẳng hạn như Hòa thượng Viên Minh. Ngày xưa, năm 80 tôi biết Ngài chỉ mới 14 hạ thôi. Hòa thượng chỉ mới 30 hay 40 thôi, trẻ hơn tôi bây giờ. Hòa thượng Hộ Chơn chùa Bửu Thắng, tôi biết lúc ấy mới chỉ mười mấy hạ thôi. Sư Ấn Minh, là chú ruột sư Thiện Minh, năm đó mới ba mươi ngoài, năm nay đã bảy mươi ngoài rồi. Rồi ngài Thiện Thắng, tức là ngài trụ trì của chùa Từ Quang. Chúng tôi còn được kịp nhìn thấy Sơ tổ Hộ Tông năm 80 lần cuối cùng.

Những vị như ngài Ấn Lâm mất là đúng rồi, nhưng những người mà chúng tôi thấy lúc ấy ba mươi mấy tuổi, như Hòa thượng Giác Chánh của chùa Biên Hòa, bây giờ ngày tôi biết Ngài chỉ mới 32 tuổi thôi, bây giờ thì đã lên tới hạng 70 mấy rồi.

Khiếp lắm quý vị. Coi như mới 50 mà mình nhớ lại những người mà mình gọi là người lớn, bây giờ một là lên hòa thượng, hai là lên bàn thờ hết. Còn các cụ Phật tử, tôi đi rồi thì coi như bữa tôi ngồi tôi nhấm, những người tôi quen mà chết lên đến sáu mươi mấy người, quý vị biết không.

Chuyện đó không phải tào lao kể cho bà con nghe. Bà con thấy rằng rồi đây lần lượt, lần lượt cái room này sẽ đi sạch, không còn ai hết. Biết đâu một ngày cái room này sẽ được tiếp nối bởi một vị khác, không phải là tôi, và đương nhiên lúc ấy người nghe cũng không phải là quý vị.

Miễn sao Phật giáo Nam Tông Việt Nam luôn luôn có một lớp Kinh tạng, giảng Chánh tạng bằng Chú giải. Đừng nghĩ rằng lớp này đã làm xong việc. Cứ giảng hết 5 bộ kinh là quay trở lại, tại vì 5 bộ này muốn giảng xong phải mất từ 5 đến 7 năm lận. Tôi đã giảng tới năm nay là năm thứ tư rồi. Với cái đà này thì thêm ba năm nữa mới xong. Nếu vị nào muốn giảng bộ này, phải đợi tôi giảng hết sau 7 năm thì mới quay trở lại được. Lúc đó số nào chết thì chết, còn số nào còn sống thì chắc cũng quên sạch rồi.

Tiếp theo là bài kinh 120.

Bốn nỗi sợ cá biệt ở thế giới nhân loại đó là: hỏa tai, thủy tai, nhân tai có hai là nhà cầm quyền và giặc giã, đạo tặc. Chữ chorat trong tiếng Pali là ám chỉ chung cho giặc giã, trộm cướp. Chữ đạo trong tiếng Hán cũng có bốn nghĩa trên. Riêng chữ trộm trong tiếng Việt thì nghĩa hạn chế.

Nếu biết tiếng Hán nó hay lắm. Thí dụ như Tàu nó có câu như thế này: “Đạo diệc hữu đạo”. Hai chữ đạo này viết khác nhau. Chữ đạo đầu tiên có nghĩa là ăn trộm, ăn cướp;

còn chữ đạo thứ hai có nghĩa là đạo lý. “Đạo diệt hữu đạo” có nghĩa ăn trộm cũng có đạo lý của họ.

Anh chàng đó ảnh nghe chữ Nho mà ảnh không chịu học chữ. Trong Tàu có câu là: “Triêu văn đạo, tịch tử khả hỷ”, có nghĩa là sáng nghe được đạo lý thì chiều chết cũng vui, mà anh này nghe lại hiểu khác. Ảnh nghe triêu là buổi sáng. Mà nếu mình biết chữ Hán thì chữ tịch có nhiều cách viết và nhiều nghĩa khác nhau, còn nếu viết theo tiếng Việt, chữ nghe thôi đó có một âm. Chữ tịch trong tiếng Hán còn có nghĩa là chiếc chiếu mình nằm, là mat trong tiếng Mỹ.

Thì ảnh mới hiểu thế này: buổi sáng mà ăn trộm chiếu thì chết cũng vui.

Chữ “đạo” trong tiếng Hán có nhiều kiểu viết. Ví dụ như đạo bùa, đạo quân, hoặc chiếu chỉ của vua cũng là đạo. Đạo có nghĩa ăn trộm, ăn cắp, mà cũng có nghĩa là con đường, tùy chỗ mà hiểu.

Chỗ này có bốn điều sợ khủng khiếp mang tính cá biệt trong cõi người:

1. Lửa: cháy nhà, cháy rừng, núi lửa... gom chung lại gọi là hỏa tai.
2. Thủy tai: là những liên hệ thiên nhiên như hạn hán, lũ lụt, mưa gió, vỡ đập thủy điện; nói chung là nỗi sợ về nước.
3. Nỗi sợ về vua: có nghĩa là nhà cầm quyền, không phải vua là king. Có nghĩa, nếu nhà cầm quyền mà hà khắc, không ra gì, thì sẽ là nỗi khủng khiếp trong một đời người, chứ không phải không.

Có lần Khổng Tử và học trò đi vào một xóm núi, thì có bà đó đang quần khăn tang, đang ngồi bên gò đất và khóc sục sùi. Khổng Tử mới hỏi:

“Có chuyện gì vậy? Tôi giúp gì được cho bà?”

Thì bà nói:

“Trời ơi, mới tháng trước chồng chết, tháng này con chết, bị cọp nó vồ. Nhà tôi tất cả mấy mạng đều chết vì cọp hết, đàn ông con trai đi rừng là bị dính à.”

Thì Không Tử mới hỏi:

“Trời ơi, sao biết ở đây cọp beo mà sao cứ ở để cho chết dần chết mòn là sao?”

Bà nói:

“Dạ đúng, ở đây cọp beo thì ghê thiệt đó, nhưng mà quan địa phương ở đây thương dân như con. Ông tốt với dân lắm, chuyện vui buồn gì của dân ông cũng chia sẻ hết trơn. Đi chỗ khác toàn gặp cà chớn không à. Mà ông quan này ra đường mình gặp thương như cha như mẹ, nên đi chỗ khác nội mà nhớ ông cũng chết. Nên thôi, chết ở đây trong tay cọp cũng đỡ buồn.”

Cho nên mình thấy, khi một nhà cai trị mà hà khắc thì nó là một nỗi khôn nguôi cho bần dân thiên hạ.

Tui lạy bà con, tui không hề nói chuyện chính trị ở đây. Nhiều người hay bị nhột kỳ lắm, họ cứ nghe mình nói họ tưởng mình nói họ. Điều đó là không có. Tự nhiên mình thấy mình sống trong một đất nước mà chính phủ biết lo cho dân, quan cầm quyền, nhà chức trách địa phương biết lo cho dân thì tình hình ở đó khá dữ lắm.

Nói thẳng như chỗ tui nè, coi như là trường lớp, giáo dục, y tế ở đây mình nhìn là mình thấy thương ngay à. Mà vì đâu? Là vì người địa phương họ biết nghĩ tới dân. Bất cứ tỉnh, huyện nào chỉ cần đề bạt, đếm đúng ba giây là họ phải giải quyết. Cho nên nếu mà không được như vậy thì là đại họa.

4. Nỗi sợ nhân tai về giặc giã, đạo tặc.

Bà con sẽ hỏi tôi ở đâu chữ “chô-rát” có nghĩa là giặc giã? Dạ thưa, ở trong lịch sử Tích Lan viết bằng tiếng Pali, khi nói về các cuộc chính biến, như vụ bà-la-môn oán

ngôi gây đói khổ cho dân, làm tan nát Phật giáo một thời, cũng được sử gọi là chô-rát.

Phiến loạn, trèo tường, khoét vách cũng gọi là chô-rát. Công khai dùng vũ lực cướp đoạt trên tay người, cưỡng bức phụ nữ cũng gọi là chô-rát. Nên ở đây phải dịch là chữ “đạo” của tiếng Hán mới nhiều nghĩa, chứ còn chữ “trộm cướp” của Việt Nam thì nghĩa nó nghèo dữ lắm.

Tại sao ở đây Ngài nói đến chỗ này? Có một bài gắn liền với kinh này đó là:

“Này các Tỳ-kheo, các người phải thường xuyên tâm niệm rằng đây là thời điểm tinh tấn tu hành, khi mà sức khỏe ta còn tốt, khi mà ta hãy còn trẻ, khi Tăng chúng còn hòa hợp, việc khất thực của vị xuất gia còn dễ dàng. Sẽ có một ngày ôm bát đi từ sáng tới trưa chỉ còn một muống cơm thôi. Ta phải tâm niệm và tinh tấn tu tập, bởi vì nhân gian thiên hạ đang thái bình, không có giặc giã, trộm cướp. Chỉ sợ đêm đêm nghe tiếng gọi cửa mà đàn bà, trẻ con không dám lên tiếng, không dám mở đèn. Sẽ có một thời mà đàn bà, trẻ con không dám đi trên đường vắng, thì khi đó đời sống phạm hạnh của Tỳ-kheo khó khăn đến nhường nào. Này các Tỳ-kheo, các người phải luôn tâm niệm như thế này: khi mà chưa có những đại họa này thì phải tinh tấn tu học, kéo có một ngày thiên tai, đại họa xảy ra rồi, muốn tu tập cũng rất là khó.”

Biết kinh kia thì mới thấy kinh này quan trọng, mới hiểu được nội dung kinh này nha. Bởi vậy, nhiều vị Đức Phật biết đã nghe kinh kia rồi, giờ chỉ nhắc lại thôi.

Và kinh này đương nhiên không phải nói riêng cho người xuất gia, mà kinh này nói chung cho tất cả những người hiểu Phật, học Phật, tin Phật và tu Phật. Hãy nhớ rằng: chỉ cần ta đang sống trong điều kiện không mắc phải bốn cái họa này thì biết sống tốt đời, tốt đạo một chút.

Tốt đời có nghĩa là con tốt, vợ tốt, chồng tốt, em tốt, anh tốt, công dân tốt đã đành; nhưng mà còn tốt đạo nữa, có nghĩa là tinh tấn một chút, đừng có dễ người. Là vì sẽ

có một ngày thiên tai, nhân họa nó đổ ập xuống trên đầu, thì có muốn tu, trời ơi, nó khó.

Tôi thuở xưa, hai mươi lăm hay hai mươi bảy năm về trước, khi ấy tôi trẻ hơn bây giờ nhiều lắm. Lúc đó tôi từng được mời giảng ở chùa Phước Sơn. Nói mời cho nó sang, chứ đâu có mời gì đâu. Bữa đó quờn, ông pháp sư nào đi nên trống, thầy Bửu Chánh mới lắp tui vô giảng.

Lúc đó tôi đang giảng thì nhìn xuống thấy một bà cụ hom hem, gầy gò, mà tui nhìn xuống tui nản quá đi. Một lát sau tui đi xuống thì nghe cô tu nữ, giờ chắc cũng ngoắc rồi, nói:

“Sư có biết bà tu nữ này ngồi trước mặt sư là ai không? Là hoa hậu Đông Dương thời Pháp đó sư. Giữ mấy tờ báo tiếng Tây, tiếng Việt, coi bả vật đổi sao dời, qua nhiều tay đại gia, quen Tây quen ta, cò năm cò bảy. Cuối đời coi như bèo dạt mây trôi, giờ trôi tới chùa Phước Sơn này làm một bà tu nữ già. Bà không thân không thích, không cháu không con, ngày ngày ăn mày lộc Phật, mà lên nghe không biết có hiểu gì không.”

Đó, các vị thấy, tới cái thời muốn tu cũng là khó. Tui là ông thầy chùa gặp biết bao nhiêu trường hợp, nhiều người muốn tu dữ lắm mà ngồi nó đau, quý vị biết không; ăn thì mửa ra, mà nó rên chỗ này, nó nhức chỗ kia.

Trong hai bài kinh này nói về lão, bệnh, tử, rồi nói về thiên tai, nhân họa. Cuối cùng Phật muốn nói cái gì? Phật nói rằng ngày nào mà mấy cái họa này chưa đổ xuống thì tranh thủ nhanh chân chút, chứ còn mà cà rờ, thiên tai, nhân họa nó đổ xuống rồi thì muốn làm cái gì cũng khó, chứ không phải dễ.

Xin chúc quý vị một ngày vui. Hẹn gặp lại ngày mai.